

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 11 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn V: Luật sư Ngô Thành T, Văn phòng luật sư T và các luật sư Nguyễn S, Trần Văn M thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn S, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Võ Hồng Đ, sinh năm 1987, tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ T và bà Trần Thị N; bị cáo có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 13 tháng 7 năm 2020, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện N xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”;

- Ngày 08 tháng 10 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N khởi tố bị can về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (*ở vụ án khác; đang trong giai đoạn điều tra lại*);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 11 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hồng Đ và Huỳnh Văn V không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nào thuộc huyện N, tỉnh Quảng Nam. Để có tiền trả nợ và tiêu xài, từ tháng 4 năm 2020 đến cuối tháng 5 năm 2020, Đ và V đã thực hiện thủ đoạn gian dối bằng việc nhiều lần thuê người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình, đem cầm cố cho bà Nguyễn Thị Thùy T để vay tiền rồi chiếm đoạt. Trong đó.

- Võ Hồng Đ đã liên hệ một địa chỉ zalo “*Sổ đỏ Sổ Hồng*” (*không rõ lai lịch chủ tài khoản zalo*) trên mạng internet, đặt làm, cung cấp thông tin về số chứng minh nhân dân, địa chỉ của Đ, chuyển tiền cho bên làm giấy tờ giả, nhận 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đứng tên Võ Hồng Đ (*số CR 359127, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện N*) và sử dụng giấy tờ giả này, thông qua giới thiệu của ông Nguyễn Hữu D, vay của bà Nguyễn Thị Thùy T 02 lần. Lần thứ nhất vào ngày 26 tháng 4 năm 2020, Đ cùng Huỳnh Văn V đến gặp bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, trừ lãi tháng đầu 6.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 94.000.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 04 tháng 5 năm 2020, Đ vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng, trừ lãi tháng đầu 3.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền

47.000.000 đồng. Ngoài ra, Đ nói cho Huỳnh Văn V biết việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền của bà T và được V nhờ làm giấy tờ giả tương tự, V cung cấp chứng minh nhân dân cho Đ và bằng biện pháp tương tự, Đ đặt làm, chuyển thông tin cho bên làm giấy tờ giả, báo cho V biết họ đồng ý và V chuyển tiền để nhận 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ghi địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Sau đó, cuối tháng 4 năm 2020, V sử dụng giấy tờ giả này, thông qua ông Nguyễn Hữu D, vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, trừ tiền lãi tháng đầu, chiếm đoạt số tiền 188.000.000 đồng. Tổng số tiền Đ thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của bà T là 329.000.000 đồng (*Đ thực hiện, chiếm đoạt, sử dụng, tiêu xài 141.000.000 đồng, cùng V thực hiện, chiếm đoạt 188.000.000 đồng*).

- Huỳnh Văn V cùng Đ đến gặp bà T vay tiền cho Đ và biết Đ sử dụng giấy tờ giả để cầm cố. Cuối tháng 4 năm 2020, V nhờ Đ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chuyển thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ cho Đ, chuyển tiền cho bên làm giấy tờ giả, nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thông qua ông Nguyễn Hữu D, vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, trừ tiền lãi tháng đầu, chiếm đoạt số tiền 188.000.000 đồng. Bà T chuyển tiền cho V qua tài khoản đứng tên bà Đoàn Thị Thu T là 150.000.000 đồng để trả nợ cho V, chuyển qua tài khoản đứng tên ông Trần Văn G 10.000.000 đồng, số tiền còn lại V nhận tiền mặt sau khi trừ đi tiền lãi tháng đầu. Khoảng tháng 5 năm 2020, được Đ giải thích cho cách liên lạc với người làm giấy tờ giả, V trực tiếp dùng tài khoản zalo có tên “*V Huynh*”, liên hệ, đặt làm, chuyển thông tin về họ tên, năm sinh, địa chỉ, chuyển tiền cho bên làm giấy tờ giả, nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, tại thôn H, xã T, huyện N; V sử dụng giấy tờ giả này cầm cố, vay của bà T 250.000.000 đồng; bà T chuyển tiền cho V qua tài khoản mang tên Đoàn Thị Thu T là 65.000.000 đồng để trả nợ cho V, qua tài khoản mang tên ông Phạm Thanh M là 72.500.000 đồng, qua tài khoản mang tên Nguyễn Thị Thu T là 15.000.000 đồng, số tiền còn lại V nhận tiền mặt sau khi trừ đi tiền lãi tháng đầu. Cũng với cách làm trên, ngày 24 tháng 5 năm 2020, V đặt làm, nhận 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 15, tại Đường số 4, Khối 3, thị trấn N, huyện N; V sử dụng giấy tờ giả này cầm cố, vay của bà T 200.000.000 đồng. Bà T chuyển tiền cho V qua tài khoản mang tên Phan Thị Thu L là 90.000.000 đồng để trả nợ cho V, chuyển qua tài khoản mang tên Phạm Thanh M 35.000.000 đồng, số tiền còn lại V nhận tiền mặt sau khi trừ đi tiền lãi tháng đầu. Sau đó, V viết giấy mượn tiền của bà T 650.000.000 đồng (*cho cả 3 lần vay*), hủy 02 giấy mượn tiền trước và nói với bà T nếu đến ngày 29 tháng 6 năm 2020 mà không trả được số tiền vay thì V sẽ bán cho bà T thửa đất tại thôn A, xã T, huyện N, đồng thời V viết giấy nhận cọc mua bán đất rồi giao cho bà T giữ, theo đề nghị của V, bà T giao lại cho V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

giả ở lần vay thứ nhất và V đã làm thất lạc giấy này. Tổng số tiền V chiếm đoạt của bà T và sử dụng, tiêu xài là 611.000.000 đồng, sau khi trừ 39.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu (V cùng Đ thực hiện, chiếm đoạt 188.000.000 đồng; V tự thực hiện, chiếm đoạt 423.000.000 đồng).

Nội dung vụ án được xác định như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Hồng Đ, Huỳnh Văn V phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo các Điều 174, 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 41, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V 12 (mười hai) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Huỳnh Văn V phải chấp hành hình phạt 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 17 tháng 11 năm 2020).

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 41, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Võ Hồng Đ 07 (bảy) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Hồng Đ phải chấp hành hình phạt 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 17 tháng 11 năm 2020).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về: Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 21/6/2022, bị cáo Huỳnh Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án 15 năm tù là quá nặng; ngày 21/6/2022, bị cáo Võ Hồng Đ kháng cáo cho rằng mức án 10 năm tù đối với bị cáo là không khách quan, hành vi giúp sức cho bị cáo Huỳnh Văn V làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền bị cáo đã dừng lại.

Tại phiên tòa: bị cáo Huỳnh Văn V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Võ Hồng Đ cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt; Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn V, Võ Hồng Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn V đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi nghe: Các bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; Căn cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 4/2020 đến cuối tháng 5/2020, Huỳnh Văn V đã đặt làm 03 Giấy CNQSD đất giả rồi đem cầm cố để vay của bà T tổng số tiền là 650.000.000 đồng, sau khi trừ tiền lãi, số tiền thực tế chiếm đoạt của bà T là 611.000.000 đồng. Võ Hồng Đ đặt làm 02 Giấy CNQSD đất giả (01 đứng tên Đ, 01 giấy đứng tên V). Đ sử dụng Giấy đứng tên Đ để cầm cố vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng, sau khi trừ tiền lãi, số tiền thực tế Đ chiếm đoạt của bà T là 141.000.000 đồng và giúp sức cho V để V chiếm đoạt của bà T số tiền 188.000.000 đồng (ở lần vay đầu tiên giữa V với bà T) như vậy, Võ Hồng Đ chiếm đoạt của bà T 329.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã tuyên bố Tuyên bố các bị cáo Võ Hồng Đ, Huỳnh Văn V phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại các Điều 174, 341 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo bị cáo Võ Hồng Đ cho rằng mức án 10 năm tù đối với bị cáo là không khách quan, hành vi giúp sức cho bị cáo Huỳnh Văn V làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền, bị cáo đã dừng lại và xin được giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn V xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án 15 năm tù là quá nặng thì thấy:

[2.1]. Bản án sơ thẩm buộc bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền bị cáo trực tiếp chiếm đoạt của bà T 141.000.000 đồng và giúp sức cho bị cáo V để V chiếm đoạt của bà T số tiền 188.000.000 đồng (ở lần vay đầu tiên giữa V với bà T) như vậy, Võ Hồng Đ chiếm đoạt của bà T 329.000.000 đồng là có căn cứ, đúng với hành vi của bị cáo.

[2.2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt Huỳnh Văn V và bị cáo Võ Hồng Đ thì thấy: Bản án sơ thẩm nhận định: “các bị cáo phạm nhiều tội; hành vi phạm tội của bị cáo Võ Hồng Đ thuộc các loại tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Văn V thuộc các loại tội phạm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; các bị cáo nhiều lần xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của bị hại, giá trị số tài sản bị chiếm đoạt rất lớn nhưng không khắc phục hậu quả đã gây ảnh hưởng lớn đến đời sống của bị hại, tác động tiêu cực đến trật tự, trị

an xã hội ”. Nhận định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn V chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù Chung thân. Hành vi của bị cáo Võ Hồng Đ chiếm đoạt số tiền 329.000.000 đồng trên nên bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm; đối với hành vi “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, cả hai bị cáo đều bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra; sau khi phạm tội, các bị cáo đã khai nhận đúng hành vi phạm tội, gia đình các bị cáo có người có công với cách mạng, hoàn cảnh khó khăn để cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V **12** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; xử phạt bị cáo Võ Hồng Đ **07** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là mức hình phạt khởi điểm đầu khung của các tội mà các bị cáo bị truy tố và xét xử nên không nặng, đã tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Hồng Đ, Huỳnh Văn V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Văn V **12 (mười hai)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, **03 (ba)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo **Huỳnh Văn V** phải chấp hành là **15 (mười lăm)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2020.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo **Võ Hồng Đ 07 (bảy)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, **03 (ba)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo **Võ Hồng Đ** phải chấp hành hình phạt là **10 (mười)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2020.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: **Võ Hồng Đ, Huỳnh Văn V**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự, Xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam (03);
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Công an tỉnh Quảng Nam (03);
- Trại tạm giam CAT Quảng Nam (03);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiên